

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 41

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101883619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2006, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 20 ngày 18 tháng 09 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 6, Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tấn	Chủ tịch
Ông Trần Bình Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Thăng	Thành viên
Ông Domingo Alonso	Thành viên
Ông Torben Kjaer	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Bình Dương	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Minh Tuấn	Trưởng ban	
Bà Đỗ Kim Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/09/2022
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/09/2022
Bà Bùi Thị Hồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/09/2022
Bà Hoàng Thị Nghĩa Ninh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/09/2022

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

**Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Tầng 6, Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

---

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Trần Bình Dương**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được lập ngày 24 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 250322.025/BCTC.KT3 ngày 25/03/2022 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Truyền Thông VMG, chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ do không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đánh giá được giá trị dự phòng phải trả tiền phạt thuế, số tiền tại ngày 31/12/2021 là: 22,31 tỷ đồng. Đây là nghĩa vụ liên đới có thể phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY) ngày 16/05/2017 giữa Công ty và Global Payment Service (GPS), UTC Investment (UTC).

Và như trình bày tại thuyết minh số 19 và thuyết minh số 36, tại ngày 30/12/2022, Công ty đã nhận được yêu cầu bồi thường từ GPS và UTC, sau khi EPAY đã có kết luận thanh tra thuế. Công ty đã xác định và ghi nhận giá trị khoản dự phòng phải trả theo yêu cầu bồi thường nêu trên. Do đó vấn đề nêu trên không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh 36 - Bản thuyết minh Báo tài chính hợp nhất, căn cứ vào Quyết định sơ thẩm số 07/2022/QĐST-TTTM Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định phúc thẩm số 09/2023/QĐ-PT ngày 17/01/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không công nhận và không cho thi hành phán quyết của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore, Công ty đã hoàn nhập lại toàn bộ khoản dự phòng phải trả liên quan đến phán quyết số 110/2021 ngày 21/10/2021 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore.

Cũng tại thuyết minh này, ngày 30 tháng 12 năm 2022, Công ty đã nhận được yêu cầu bồi thường từ Global Payment Service (GPS) và UTC Investment (UTC), sau khi EPAY đã có kết luận thanh tra thuế. Tại yêu cầu bồi thường này GPS và UTC đã yêu cầu Công ty bồi thường số tiền: 100.981.847.216 VND. Theo đó, Công ty đã ghi nhận dự phòng các khoản phải trả theo đúng yêu cầu nêu trên. Hiện nay, hai bên vẫn đang tiếp tục trao đổi và chưa có quyết định chính thức về nội dung bồi thường này.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

## Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Trong năm 2022, tổng giá trị giao dịch của các hợp đồng đối với bên liên quan là Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia chiếm trên 35% tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty nhưng các giao dịch này chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều này chưa phù hợp với quy định tại khoản 4, điều 293, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

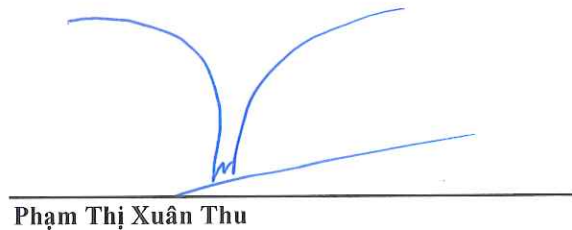
  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
HÃNG KIỂM TOÁN  
AASC  
S. HOÀN KIẾN T. TP. HÀ NỘI

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc 

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023



Phạm Thị Xuân Thu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1462-2023-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>573.013.322.106</b>	<b>669.701.519.000</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>56.151.973.122</b>	<b>11.023.078.718</b>
111	1. Tiền		56.151.973.122	11.023.078.718
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>247.642.255.566</b>	<b>138.468.374.713</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		247.642.255.566	138.468.374.713
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>199.019.387.820</b>	<b>351.453.933.291</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	175.109.419.410	315.794.513.810
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.247.059.017	3.014.982.405
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	20.662.909.393	32.644.437.076
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>1.538.722.797</b>	<b>16.433.245.975</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.538.722.797	16.433.245.975
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>68.660.982.801</b>	<b>152.322.886.303</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	68.283.393.249	151.572.219.947
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		359.377.974	750.666.356
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	18.211.578	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>178.921.531.314</b>	<b>254.467.704.969</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.082.425.000</b>	<b>3.441.175.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.082.425.000	3.441.175.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>19.078.420.265</b>	<b>30.085.387.462</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.454.366.500	5.214.817.569
222	- Nguyên giá		37.399.004.366	36.634.953.092
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.944.637.866)	(31.420.135.523)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	15.624.053.765	24.870.569.893
228	- Nguyên giá		32.924.333.000	32.524.333.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.300.279.235)	(7.653.763.107)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>20.115.257.317</b>	<b>21.162.572.641</b>
231	- Nguyên giá		30.137.483.143	30.137.483.143
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.022.225.826)	(8.974.910.502)
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>133.125.626.668</b>	<b>195.082.264.482</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.095.855.147	5.952.492.961
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.320.000.000	9.320.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(100.228.479)	(100.228.479)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		117.810.000.000	179.910.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.519.802.064</b>	<b>4.696.305.384</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.066.812.509	4.661.505.384
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31	452.989.555	34.800.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>751.934.853.420</b>	<b>924.169.223.969</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>201.183.985.640</b>	<b>1.151.262.539.351</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>193.791.098.151</b>	<b>1.144.131.582.983</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	11.367.900.946	31.389.030.437
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	3.517.703.131	4.974.694.727
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.027.715.306	4.346.693.418
314	4. Phải trả người lao động		11.844.253.710	20.802.230.558
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	31.201.351.949	37.915.177.197
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	5.233.227.580	5.917.839.355
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	23.612.210.090	201.850.336.961
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	100.981.847.216	821.751.875.734
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.004.888.223	15.183.704.596
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.392.887.489</b>	<b>7.130.956.368</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		322.366	1.523.025
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	1.392.565.123	1.129.433.343
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>550.750.867.780</b>	<b>(227.093.315.382)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>550.750.867.780</b>	<b>(227.093.315.382)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		203.930.000.000	203.930.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		203.930.000.000	203.930.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		239.364.150.000	239.364.150.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(111.200.000)	(111.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.723.420.259	1.723.420.259
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		58.509.230.517	(719.206.271.134)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(719.206.271.134)	(132.255.655.724)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		777.715.501.651	(586.950.615.410)
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		47.335.267.004	47.206.585.493
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>751.934.853.420</b>	<b>924.169.223.969</b>

Trần Thị Kiều Trang

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Dương Thị Thương

Kế toán trưởng



Trần Bình Dương

Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.387.889.621.413	1.525.844.516.284
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	314.438.345
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.387.889.621.413	1.525.530.077.939
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.285.094.551.098	1.466.128.557.474
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		102.795.070.315	59.401.520.465
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	28.085.262.193	21.732.996.312
22	7. Chi phí tài chính	25	6.173.188.659	13.159.787.636
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.805.449.235	8.151.168.030
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		143.362.186	2.465.571.712
25	9. Chi phí bán hàng	26	1.481.429.428	3.759.169.571
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(666.448.381.018)	649.861.987.368
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		789.817.457.625	(583.180.856.086)
31	12. Thu nhập khác	28	2.317.731.092	780.885.353
32	13. Chi phí khác	29	973.004.339	85.203.165
40	14. Lợi nhuận khác		1.344.726.753	695.682.188
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		791.162.184.378	(582.485.173.898)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	13.736.190.771	7.472.029.762
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	(418.189.555)	(4.200.000)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>777.844.183.162</u>	<u>(589.953.003.660)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		777.715.501.651	(586.950.615.410)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		128.681.511	(3.002.388.250)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	38.144	(28.788)



Trần Thị Kiều Trang

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023



Dương Thị Thương

Kế toán trưởng



Trần Bình Dương

Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		791.162.184.378	(582.485.173.898)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.609.739.795	8.431.776.543
03	- Các khoản dự phòng		(720.770.028.518)	612.193.345.762
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		38.053.594	12.176.357
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.690.156.276)	(17.044.997.923)
06	- Chi phí lãi vay		5.805.449.235	8.151.168.030
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		70.155.242.208	29.258.294.871
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		150.828.685.522	(47.041.855.533)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		14.894.523.178	5.831.710.553
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(35.807.234.529)	20.021.078.721
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		84.883.519.573	3.320.492.249
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.921.659.367)	(8.217.345.847)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.712.326.395)	(6.569.343.056)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.178.816.373)	(1.414.537.918)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		250.141.933.817	(4.811.505.960)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.555.457.274)	(13.940.549.319)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		250.909.091	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(334.833.306.059)	(326.877.819.411)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		287.759.425.206	327.546.794.805
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.651.783.330	24.040.694.269
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(26.726.645.706)	10.769.120.344
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		563.988.430.333	901.946.313.885
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(742.226.557.204)	(906.675.379.252)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(120.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(178.238.126.871)	(4.849.065.367)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		45.177.161.240	1.108.549.017
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.023.078.718	9.920.981.356
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(48.266.836)	(6.451.655)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>56.151.973.122</u>	<u>11.023.078.718</u>

Trần Thị Kiều Trang  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Dương Thị Thương  
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101883619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2006, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 20 ngày 18 tháng 09 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 6, Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 203.930.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 203.930.000.000 VND; tương đương 20.393.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 137 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 182 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Công thông tin (không hoạt động báo chí);
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Hoạt động viễn thông khác  
Chi tiết: Dịch vụ trò chơi trực tuyến; Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ giá tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam; Cung cấp dịch vụ trò điện tử trên mạng; Dịch vụ nội dung thông tin số; Cung cấp dịch vụ nội thông tin trên mạng viễn thông di động; Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  
Chi tiết: Đầu tư kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan  
Chi tiết: hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang Web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách hàng. Hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm xử lý hoàn chỉnh và báo cáo các kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp hoặc nhập tin và xử lý dữ liệu tự động;
- Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc  
Chi tiết: Hoạt động ghi âm và phát hành xuất bản phẩm âm nhạc;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận  
Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường;
- Quảng cáo  
Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện, hoạt động quan hệ công chúng;
- Dịch vụ thông tin khác chưa đưa được vào đâu  
Chi tiết:
  - + Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;
  - + Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
  - + Các dịch vụ cắt xét thông tin, báo chí...

### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2022, mặc dù doanh thu mảng bán lẻ hàng hóa và cả dịch vụ có sụt giảm so với năm trước. Tuy nhiên, các dịch vụ mới triển khai có sự phát triển tốt, các dịch vụ truyền thống duy trì ổn định nên góp phần làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng khoảng 73% so với năm trước.

Bên cạnh đó, Công ty hoàn nhập dự phòng phải trả đối với các nghĩa vụ có thể phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần thanh toán Điện tử VNPT (EPAY) ngày 16/05/2017 giữa Công ty với Global Payment Service (GPS) và UTC Investment (UTC), ghi giảm vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay là 720.770.028.518 VND (Xem chi tiết thuyết minh 19 và thuyết minh số 36).

Các chỉ tiêu khác tăng/giảm không đáng kể.

Tổng hợp các nội dung nêu trên khiến cho Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2022 tăng rất mạnh so với năm trước.

### Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 là:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Tầng 7, tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	50,50%	50,50%	Thực hiện quyền nhập khẩu phần mềm giải trí điện tử và bộ điều khiển trò chơi video

- Công ty có hai công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Tầng 6, toà nhà Như Nguyễn, số 18, ngõ 11 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	28,59%	28,59%	Dịch vụ truyền thông
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Tầng 4, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	20,00%	20,00%	Thương mại điện tử, dịch vụ loyalty

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

### 2.4. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### 2.6. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu năm báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các năm trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong năm, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## 2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

## 2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.



#### **2.14. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.
- Chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ quản lý tin nhắn được phân bổ theo sản lượng đã sử dụng, tương ứng với doanh thu dịch vụ tin nhắn đã ghi nhận trong năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 đến 3 năm.

#### **2.15. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### **2.16. Các khoản vay**

Các khoản vay phát sinh trong năm là các khoản thấu chi ngân hàng.

#### **2.17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.18. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí dịch vụ nội dung, quảng cáo, dịch vụ SMS, bản quyền nhạc ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **2.19. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

## 2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại. Cổ phiếu quỹ Công ty đã mua trước ngày 01/01/2021 được bán hoặc dùng cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thưởng theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản trên.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.21. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.23. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### b) Thuế suất thuế TNDN năm tài chính hiện hành

Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm 2022.

## 2.25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.26. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.27. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3. TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	312.841.664	105.607.739
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.839.131.458	10.917.470.979
	<b>56.151.973.122</b>	<b>11.023.078.718</b>

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	247.642.255.566	-	138.468.374.713	-
Đầu tư dài hạn				
- Trái phiếu (**)	117.810.000.000	-	179.910.000.000	-
	<b>365.452.255.566</b>	<b>-</b>	<b>318.378.374.713</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trong ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3-12 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,0%/năm đến 9,25%/năm.

Trong đó, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 169.642.255.566 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (xem chi tiết tại Thuyết minh 13).

(\*\*) Thông tin chi tiết các khoản trái phiếu tại Công ty:

Tên trái phiếu	Lãi suất	Ngày phát hành, kỳ hạn	Số lượng	Tổng giá trị (VND)
- Trái phiếu BIDLH2129009 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Lãi suất tham chiếu + 0,9%/năm	Phát hành ngày 25/06/2021 Kỳ hạn 96 tháng	20	20.000.000.000
- Trái phiếu BID2 18.06 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Lãi suất tham chiếu + 1%/năm	Phát hành ngày 19/12/2018 Kỳ hạn 120 tháng	1088	10.880.000.000
- Trái phiếu BIDL2028067 18.06 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Lãi suất tham chiếu + 0,9%/năm	Phát hành ngày 25/12/2020 Kỳ hạn 96 tháng	400	40.000.000.000
- Trái phiếu CTG2028T2/01-05 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Lãi suất tham chiếu + 0,9%/năm	Phát hành ngày 30/07/2020 Kỳ hạn 96 tháng	300.000	30.000.000.000
- Trái phiếu CTG1828T2/01 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Lãi suất tham chiếu + 0,8%/năm	Phát hành ngày 29/06/2018 Kỳ hạn 120 tháng	1.600	16.000.000.000
- Trái phiếu CTG1929T2/01 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm	Phát hành ngày 29/09/2019 Kỳ hạn 120 tháng	30	300.000.000
- Trái phiếu CTG1929T2/02 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm	Phát hành ngày 29/10/2019 Kỳ hạn 120 tháng	63	630.000.000
				<b>117.810.000.000</b>

Toàn bộ các hợp đồng mua trái phiếu trên được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay.

**Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Tầng 6, Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	Địa chỉ	31/12/2022			01/01/2022		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo (*)	Tầng 4, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	20%	20%	-	20%	20%	-
- Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Tầng 6, toà nhà Như Như Nguyễn, số 18, ngõ 11 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	29%	29%	6.095.855.147	29%	29%	5.952.492.961
				<u>6.095.855.147</u>			<u>5.952.492.961</u>

(\*) Ngày 03/08/2016, Công ty Cổ phần Thương mại điện tử Lingo (là công ty liên kết của Công ty) đã ban hành Quyết định giải thể với lý do gặp khó khăn trong kinh doanh và liên tục thua lỗ đến mức không có khả năng phục hồi. Hiện nay, Công ty Cổ phần Thương mại điện tử Lingo đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh 39.**

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	650.000.000	(100.228.479)	650.000.000	(100.228.479)
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	8.670.000.000	-	8.670.000.000	-
	<b>9.320.000.000</b>	<b>(100.228.479)</b>	<b>9.320.000.000</b>	<b>(100.228.479)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	Số 15, ngõ 175/5/167 đường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội	1,14%	1,14%	Hoạt động thương mại
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	Tầng 18, Tòa nhà Peak View, 36 Hoàng Cầu, Ô chợ dứa, Đống Đa, Hà Nội	6,12%	6,12%	Dịch vụ truyền thông. Kinh doanh thiết bị viễn thông

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<b>27.874.227.136</b>	-	<b>81.804.115.685</b>	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	27.829.990.188	-	81.754.273.509	-
- Công ty Cổ phần truyền thông VNNPLUS	44.236.948	-	49.842.176	-
<i>Bên khác</i>	<b>147.235.192.274</b>	-	<b>233.990.398.125</b>	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Thông tin và Truyền thông PCQ Việt Nam	268.902.102	-	80.183.709.078	-
- Công ty Phát triển Dịch vụ Giá trị Gia tăng - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền thông	23.864.907.656	-	16.723.825.760	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ HLS	16.894.702.000	-	9.956.310.000	-
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân Đội	2.124.443.230	-	7.876.784.593	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	2.124.443.230	-	6.435.659.440	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	-	-	3.626.824.058	-
- Công ty Cổ phần Xích Việt	-	-	2.028.861.111	-
- NTTe-Asia Corporation	10.871.613.936	-	315.178.600	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	91.086.180.120	-	106.843.245.485	-
	<b>175.109.419.410</b>	-	<b>315.794.513.810</b>	-

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Trung tâm Tin học và Công nghệ số	-	-	1.330.000.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ số Digilife Việt Nam	1.588.004.566	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	1.659.054.451	-	1.684.982.405	-
	<b>3.247.059.017</b>	-	<b>3.014.982.405</b>	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.831.982.253	-	6.187.880.584	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.654.130	-	462.000	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	5.151.000	-	3.693.000	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	1.957.170	-	729.000	-
- Tạm ứng	6.906.088.632	-	20.281.590.827	-
- Ký cược, ký quỹ	941.103.564	-	673.819.132	-
- Phải thu khác (*)	8.974.972.644	-	5.496.262.533	-
	<b>20.662.909.393</b>	<b>-</b>	<b>32.644.437.076</b>	<b>-</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên liên quan</b>	<b>1.550.435.959</b>	<b>-</b>	<b>2.021.617.679</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	1.550.435.959	-	2.021.617.679	-
<b>Bên khác</b>	<b>19.112.473.434</b>	<b>-</b>	<b>30.622.819.397</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Phát triển Thông tin và Truyền thông PCQ Việt Nam	2.131.973.894	-	1.315.885.832	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ HLS	1.566.500.330	-	86.635.841	-
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Long Biên	455.178.079	-	257.753.425	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thụy Khuê	1.691.917.808	-	1.375.898.632	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	435.616.434	-	427.999.999	-
- Phải thu đối tượng khác (*)	12.831.286.889	-	27.158.645.668	-
	<b>20.662.909.393</b>	<b>-</b>	<b>32.644.437.076</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	2.433.675.000	-	2.111.675.000	-
Đặt cọc thuê văn phòng cho Tập đoàn Geleximco	1.619.050.000	-	1.517.050.000	-
Ký cược, ký quỹ khác	814.625.000	-	594.625.000	-
- Phải thu khác (*)	648.750.000	-	1.329.500.000	-
	<b>3.082.425.000</b>	<b>-</b>	<b>3.441.175.000</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó, số dư cho một số cán bộ công nhân viên vay từ nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi tại ngày 31/12/2022 là: 1.443.750.000 VND.



### 8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng hoá	1.538.722.797	-	16.433.245.975	-
	<b>1.538.722.797</b>	<b>-</b>	<b>16.433.245.975</b>	<b>-</b>

### 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	31.474.009.111	369.297.163	4.791.646.818	36.634.953.092
- Mua trong năm	2.003.457.274	-	152.000.000	2.155.457.274
- Thanh lý, nhượng bán	(1.391.406.000)	-	-	(1.391.406.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.086.060.385</b>	<b>369.297.163</b>	<b>4.943.646.818</b>	<b>37.399.004.366</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	26.804.786.087	187.422.911	4.427.926.525	31.420.135.523
- Khấu hao trong năm	3.399.864.872	-	516.043.471	3.915.908.343
- Thanh lý, nhượng bán	(1.391.406.000)	-	-	(1.391.406.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>28.813.244.959</b>	<b>187.422.911</b>	<b>4.943.969.996</b>	<b>33.944.637.866</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	4.669.223.024	181.874.252	363.720.293	5.214.817.569
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.272.815.426</b>	<b>181.874.252</b>	<b>(323.178)</b>	<b>3.454.366.500</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.539.032.589 VND.

### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	32.524.333.000	32.524.333.000
- Mua trong năm	400.000.000	400.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.924.333.000</b>	<b>32.924.333.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	7.653.763.107	7.653.763.107
- Khấu hao trong năm	9.646.516.128	9.646.516.128
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.300.279.235</b>	<b>17.300.279.235</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	24.870.569.893	24.870.569.893
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>15.624.053.765</b>	<b>15.624.053.765</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.778.333.000 VND.

## 11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

Bất động sản đầu tư Công ty đang cho thuê là nhà gắn liền với quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ: 96 - 98 đường Đào Duy Anh, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất là: 252,8 m<sup>2</sup> với mục đích sử dụng làm văn phòng và cho thuê. Chi tiết như sau:

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	3.954.600.000	26.182.883.143	30.137.483.143
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.954.600.000</b>	<b>26.182.883.143</b>	<b>30.137.483.143</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	8.974.910.502	8.974.910.502
- Khấu hao trong năm	-	1.047.315.324	1.047.315.324
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>10.022.225.826</b>	<b>10.022.225.826</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	3.954.600.000	17.207.972.641	21.162.572.641
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.954.600.000</b>	<b>16.160.657.317</b>	<b>20.115.257.317</b>

Trong đó:

- Trong năm, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 1.724.897.559 VND (Năm 2021 là 1.770.401.705 VND).
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 21.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Chi phí trả trước của dịch vụ nhắn tin chăm sóc khách hàng trên mạng di động Vinaphone, Mobifone và Viettel (*)	64.113.674.963	140.770.572.817
- Chi phí thuê văn phòng	1.252.678.222	770.477.141
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	418.712.357	1.161.167.458
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.498.327.707	8.870.002.531
	<b>68.283.393.249</b>	<b>151.572.219.947</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.076.538.122	200.283.719
- Chi phí nội thất văn phòng/sửa chữa lớn	1.499.211.193	3.563.078.922
- Chi phí trả trước dài hạn khác	491.063.194	898.142.743
	<b>3.066.812.509</b>	<b>4.661.505.384</b>

(\*) Đây là gói tin nhắn mua từ các nhà mạng để sử dụng cho dịch vụ quản lý tin nhắn. Việc phân bổ vào chi phí được phân bổ theo sản lượng đã sử dụng trong năm.

13. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	124.991.788.045	124.991.788.045	285.059.027.578	410.050.815.623	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	14.240.360.000	14.240.360.000	11.000.000.000	25.240.360.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	62.618.188.916	62.618.188.916	267.929.402.755	306.935.381.581	23.612.210.090	23.612.210.090
	<b>201.850.336.961</b>	<b>201.850.336.961</b>	<b>563.988.430.333</b>	<b>742.226.557.204</b>	<b>23.612.210.090</b>	<b>23.612.210.090</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	01/01/2022	31/12/2022
						VND	VND
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	VND	5,8%/năm	Vay thấu chi, thời hạn thanh toán không quá 120 ngày	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng tiền gửi; Trái phiếu	-	124.991.788.045
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	VND	5,21% - 6,21%/năm	Vay thấu chi, thời hạn thanh toán không quá 60 ngày	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng tiền gửi	-	14.240.360.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5,1 - 6,15%/năm	Vay thấu chi, thời hạn thanh toán tương ứng với thời hạn của Hợp đồng tiền gửi	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng tiền gửi; Trái phiếu	23.612.210.090	62.618.188.916
						<b>23.612.210.090</b>	<b>201.850.336.961</b>

Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng cầm cố Hợp đồng tiền gửi và Hợp đồng mua trái phiếu với bên cho vay vốn.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>381.928.580</b>	<b>381.928.580</b>	<b>1.918.463.033</b>	<b>1.918.463.033</b>
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	381.928.580	381.928.580	1.918.463.033	1.918.463.033
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>10.985.972.366</b>	<b>10.985.972.366</b>	<b>29.470.567.404</b>	<b>29.470.567.404</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ DTECH	-	-	6.459.600.000	6.459.600.000
- HGC Global Communications Limited	151.261.173	151.261.173	2.633.054.178	2.633.054.178
- Công ty TNHH Kết nối Thông tin Thành Đạt	282.154.208	282.154.208	2.500.118.688	2.500.118.688
- Công ty TNHH Đầu tư Conexim Việt Nam	271.183.492	271.183.492	1.920.483.773	1.920.483.773
- Công ty TNHH Social Hub	1.627.693.797	1.627.693.797	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Ftech Việt Nam	-	-	1.766.489.200	1.766.489.200
- Marvel Media Sdn Bhd	-	-	1.752.645.160	1.752.645.160
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	993.514.420	993.514.420	40.042.526	40.042.526
- Công ty TNHH Dịch vụ số Digilife Việt Nam	1.277.546.946	1.277.546.946	1.324.013.640	1.324.013.640
- Công ty CP tự động Logich Việt Nam	2.268.653.263	2.268.653.263	-	-
- Công ty TNHH Social Hub	1.627.693.797	1.627.693.797	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	2.486.271.270	2.486.271.270	11.074.120.239	11.074.120.239
	<b>11.367.900.946</b>	<b>11.367.900.946</b>	<b>31.389.030.437</b>	<b>31.389.030.437</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty Bảo hiểm Vietinbank Bến Thành	146.694.364	-
- Người mua trả tiền trước khác	3.371.008.767	4.974.694.727
	<b>3.517.703.131</b>	<b>4.974.694.727</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	26.415.276.319	25.766.963.564	-	648.312.755
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.297.231.691	14.133.073.897	15.712.326.395	18.211.578	1.736.190.771
Thuế Thu nhập cá nhân	785.273.906	8.929.478.850	8.135.845.921	-	1.578.906.835
Các loại thuế khác	264.187.821	5.043.953.214	5.243.836.090	-	64.304.945
	<b>4.346.693.418</b>	<b>54.521.782.280</b>	<b>54.858.971.970</b>	<b>18.211.578</b>	<b>4.027.715.306</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Trích trước chi phí dịch vụ nội dung, quảng cáo, dịch vụ SMS, bản quyền nhạc	21.758.198.716	31.737.903.864
- Chi phí phải trả khác	9.443.153.233	6.177.273.333
	<b>31.201.351.949</b>	<b>37.915.177.197</b>
<b>b) Chi tiết theo đối tượng</b>		
<i>Bên liên quan</i>	<i>329.149.974</i>	<i>1.235.553.788</i>
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	329.149.974	1.235.553.788
<i>Bên khác</i>	<i>30.872.201.975</i>	<i>36.679.623.409</i>
- Công ty Luật TNHH Luật Gia Vũ	8.500.000.000	15.650.000.000
- Marvel Media Sdn Bhd	6.652.467.937	6.730.699.732
- Công ty Dịch vụ Mobifone Khu vực 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	1.659.622.878	-
- Chi phí phải trả đối tượng khác	14.060.111.160	14.298.923.677
	<b>31.201.351.949</b>	<b>37.915.177.197</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	1.953.836.274	2.076.427.269
- Bảo hiểm xã hội	35.876.867	14.643.495
- Bảo hiểm y tế	2.921.877	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	255.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	86.150.000	110.650.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.634.276.750	2.634.276.750
- Phải trả lãi vay	82.790.198	199.000.330
- Quỹ gắn bó cùng VMG	56.000.000	174.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	381.120.614	708.841.511
	<b>5.233.227.580</b>	<b>5.917.839.355</b>
<i>(*) Trong đó phải trả các bên liên quan:</i>		
- Phải trả Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia tiền hợp tác kinh doanh dịch vụ Sub, Gateway	-	112.224.844
	-	<b>112.224.844</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.392.565.123	1.129.433.343
	<b>1.392.565.123</b>	<b>1.129.433.343</b>

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự phòng phải trả theo phán quyết số 110/2021 ngày 21/10/2021 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế (1)	-	632.490.333.699
+ Dự phòng liên quan đến thỏa thuận về tuân thủ pháp luật	-	519.732.748.138
+ Dự phòng về khoản tiền lãi chậm bồi thường theo phán quyết của SIAC cho GPS/UTC	-	112.757.585.561
- Dự phòng phải trả đối với các nghĩa vụ thuế, tuân thủ pháp luật có thể phát sinh tại EPAY mà VMG xác định rủi ro tương ứng với tỷ lệ vốn góp của VMG tại EPAY (2)	100.981.847.216	189.261.542.035
+ Dự phòng phải trả tiền truy thu thuế	54.474.469.855	111.582.186.756
+ Dự phòng phải trả tiền phạt thuế	10.901.393.971	22.316.437.351
+ Dự phòng phải trả tiền thuế chậm nộp	35.605.983.390	55.362.917.928
	<b>100.981.847.216</b>	<b>821.751.875.734</b>

(1) Dự phòng phải trả theo phán quyết số 110/2021 ngày 21/10/2021 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế:

Tại thời điểm 01/01/2022, khoản dự phòng phải trả này được trích lập căn cứ Phán quyết số 110/2021 ngày 21/10/2021 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore cho vụ tranh chấp số 186/2019 giữa Global Payment Server và UTC Investment (GPS và UTC) và Công ty Cổ phần Truyền thông VMG.

Ngày 30/06/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định sơ thẩm số 07/2022/QĐST-TTTM không công nhận và thi hành phán quyết số 110/2021 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore tại Việt Nam do phán quyết vi phạm thủ tục tố tụng.

Không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, vào ngày 29/09/2022 các bên GPS và UTC đã tiếp tục kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

Đến ngày 17/01/2023, Hội đồng xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xem xét và tuyên bố không công nhận kháng cáo của GPS và UTC theo Quyết định phúc thẩm số 09/2023/QĐ-PT, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm số 07/2022/QĐST-TTTM của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Do sự kiện này liên quan đến vụ kiện trong năm 2022, Công ty đã tiến hành hoàn nhập toàn bộ khoản dự phòng này tại ngày 31/12/2022.

(2) Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Công ty đã nhận được yêu cầu bồi thường từ GPS và UTC, sau khi EPAY đã có kết luận thanh tra thuế. Tại yêu cầu bồi thường này GPS và UTC đã yêu cầu Công ty bồi thường số tiền: 100.981.847.216 VND. Theo đó, Công ty đã ghi nhận dự phòng các khoản phải trả theo đúng yêu cầu nêu trên và hoàn nhập phần trích thừa ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2022, số tiền 88.279.694.819 VND.

(Xem thêm chi tiết tại thuyết minh số 36 - Thông tin khác).

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	203.930.000.000	239.364.150.000	(111.200.000)	1.723.420.259	(132.232.707.679)	50.231.467.368	362.905.129.948
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(586.950.615.410)	(3.002.388.250)	(589.953.003.660)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(22.948.044)	(22.493.626)	(45.441.670)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>203.930.000.000</b>	<b>239.364.150.000</b>	<b>(111.200.000)</b>	<b>1.723.420.259</b>	<b>(719.206.271.133)</b>	<b>47.206.585.492</b>	<b>(227.093.315.382)</b>
Số dư đầu năm nay	203.930.000.000	239.364.150.000	(111.200.000)	1.723.420.259	(719.206.271.134)	47.206.585.493	(227.093.315.382)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	777.715.501.651	128.681.511	777.844.183.162
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>203.930.000.000</b>	<b>239.364.150.000</b>	<b>(111.200.000)</b>	<b>1.723.420.259</b>	<b>58.509.230.517</b>	<b>47.335.267.004</b>	<b>550.750.867.780</b>



**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	57.720.000.000	28,30	57.720.000.000	28,30
NTT DOCOMO Inc	-	-	49.999.980.000	24,52
Yellow Star Investment 6 Pte. Ltd	-	-	45.000.000.000	22,07
Các cổ đông khác	146.210.000.000	71,70	51.210.020.000	25,11
	<b>203.930.000.000</b>	<b>100</b>	<b>203.930.000.000</b>	<b>100</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	203.930.000.000	203.930.000.000
- Vốn góp cuối năm	<b>203.930.000.000</b>	<b>203.930.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.634.276.750	2.754.276.750
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	(120.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(120.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<b>2.634.276.750</b>	<b>2.634.276.750</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.393.000	20.393.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.393.000	20.393.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.393.000	20.393.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	4.000	4.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000	4.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.389.000	20.389.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.389.000	20.389.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ Công ty**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	1.723.420.259	1.723.420.259
	<b>1.723.420.259</b>	<b>1.723.420.259</b>

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản là Bất động sản đầu tư là nhà gắn liền với quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ 96 - 98 đường Đào Duy Anh theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.349.821.122	872.587.600
	<b>1.349.821.122</b>	<b>872.587.600</b>

**b) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê tài sản văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động tại tòa nhà Peak View Tower, 36 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội với Tập đoàn Geleximco - Công ty CP, thời hạn thuê đến ngày 09/12/2025.

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	4.080.000.000	4.080.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	9.954.082.192	11.994.082.192
	<b>14.034.082.192</b>	<b>16.074.082.192</b>

**c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022	01/01/2022
- EUR	1.365,45	1.279,25
- USD	64.193,13	8.206,81
- JPY	1.061.328,00	1.544.962,40

**22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	520.545.345.517	689.332.812.035
Doanh thu cung cấp dịch vụ	867.344.275.896	836.511.704.249
	<b>1.387.889.621.413</b>	<b>1.525.844.516.284</b>

**Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan**  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)

<b>315.627.775.237</b>	<b>110.895.547.188</b>
------------------------	------------------------

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	515.337.119.042	687.262.951.067
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	769.757.432.056	778.865.606.407
	<b>1.285.094.551.098</b>	<b>1.466.128.557.474</b>

**Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan**  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)

<b>10.840.996.278</b>	<b>22.795.373.484</b>
-----------------------	-----------------------

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	19.785.884.999	18.614.403.368
Cổ tức, lợi nhuận được chia	510.000.000	510.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	319.893.482	213.032.550
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	7.469.483.712	2.395.560.394
	<b>28.085.262.193</b>	<b>21.732.996.312</b>

**Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan**  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)

<b>4.312.752.468</b>	<b>2.904.761.898</b>
----------------------	----------------------

## 25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.805.449.235	8.151.168.030
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	329.685.830	451.466.092
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	38.053.594	12.176.357
Lỗ do thay đổi tỷ lệ góp vốn	-	4.544.977.157
	<b>6.173.188.659</b>	<b>13.159.787.636</b>

## 26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	50.413.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	109.617.228
Chi phí trao thưởng	1.327.614.168	3.317.220.829
Chi phí quà tặng khách hàng	129.953.014	124.304.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.862.246	84.008.258
Chi phí khác bằng tiền	-	73.605.290
	<b>1.481.429.428</b>	<b>3.759.169.571</b>

**Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan**  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)

	-	<b>28.587.805</b>
--	---	-------------------

## 27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	67.476.142
Chi phí nhân công	16.652.544.378	15.276.454.087
Chi phí khấu hao tài sản cố định	597.146.831	680.727.379
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(720.770.028.518)	612.193.345.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.591.772.125	18.962.401.926
Chi phí khác bằng tiền	3.480.184.166	2.681.582.072
	<b>(666.448.381.018)</b>	<b>649.861.987.368</b>

## 28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	250.909.091	-
Phạt chậm trả	167.980.316	47.389.508
Thu nhập từ hoạt động tư vấn thị thực nhập cảnh	179.230.000	-
Thưởng vượt doanh số	127.683.635	112.337.522
Thu nhập khác	1.591.928.050	621.158.323
	<b>2.317.731.092</b>	<b>780.885.353</b>

## 29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí tư vấn thị thực nhập cảnh	121.215.852	-
Các khoản bị phạt	810.128.042	85.201.991
Chi phí khác	41.660.445	1.174
	<b>973.004.339</b>	<b>85.203.165</b>

## 30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	13.736.190.771	7.472.029.762
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>13.736.190.771</b>	<b>7.472.029.762</b>

## 31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được trừ	452.989.555	34.800.000
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>452.989.555</b>	<b>34.800.000</b>

### b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ việc hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

### c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời được trừ	(418.189.555)	(4.200.000)
	<b>(418.189.555)</b>	<b>(4.200.000)</b>

### 32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	777.715.501.651	(586.950.615.410)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	777.715.501.651	(586.950.615.410)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.389.000	20.389.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>38.144</b>	<b>(28.788)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	162.606.437
Chi phí nhân công	81.382.483.133	72.159.079.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.609.739.795	8.431.776.543
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(715.425.492.289)	612.193.345.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	708.915.269.456	732.589.263.074
Chi phí khác bằng tiền	15.308.480.369	6.950.691.830
<b>104.790.480.464</b>	<b>1.432.486.763.346</b>	

### 34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Tiền	56.151.973.122	-	-	56.151.973.122
Phải thu khách hàng, phải thu khác	195.772.328.803	3.082.425.000	-	198.854.753.803
Các khoản cho vay	247.642.255.566	117.810.000.000	-	365.452.255.566
	<b>499.566.557.491</b>	<b>120.892.425.000</b>	<b>-</b>	<b>620.458.982.491</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền	11.023.078.718	-	-	11.023.078.718
Phải thu khách hàng, phải thu khác	348.438.950.886	3.441.175.000	-	351.880.125.886
Các khoản cho vay	138.468.374.713	179.910.000.000	-	318.378.374.713
	<b>497.930.404.317</b>	<b>183.351.175.000</b>	<b>-</b>	<b>681.281.579.317</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Vay và nợ	23.612.210.090	-	-	23.612.210.090
Phải trả người bán, phải trả khác	16.601.128.526	1.392.565.123	-	17.993.693.649
Chi phí phải trả	31.201.351.949	-	-	31.201.351.949
	<b>71.414.690.565</b>	<b>1.392.565.123</b>	<b>-</b>	<b>72.807.255.688</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	201.850.336.961	-	-	201.850.336.961
Phải trả người bán, phải trả khác	37.306.869.792	1.129.433.343	-	38.436.303.135
Chi phí phải trả	37.915.177.197	-	-	37.915.177.197
	<b>277.072.383.950</b>	<b>1.129.433.343</b>	<b>-</b>	<b>278.201.817.293</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	563.988.430.333	901.946.313.885
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	742.226.557.204	906.675.379.252

### 36. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 16/05/2017, Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (VMG) đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY) cho Global Payment Service (GPS) và UTC Investment (UTC) (GPS là 1 quỹ đầu tư được thành lập và quản lý bởi UTC, cả 2 có trụ sở tại Hàn Quốc). Tại thời điểm chuyển nhượng Công ty Cổ phần Truyền thông VMG chiếm 62,25% cổ phần tại EPAY. Theo các điều khoản trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu trên, VMG phải chịu trách nhiệm bồi thường bất kỳ khiếu nại thuế nào phát sinh trực tiếp từ bất kỳ sự kiện hoặc vấn đề nào còn tồn tại trước khi hoàn thành hợp đồng và điều khoản bảo hành về tuân thủ pháp luật.

#### a, Dự phòng liên quan đến thỏa thuận về tuân thủ pháp luật

Năm 2019, GPS và UTC cho rằng VMG đã phản ánh không trung thực và chính xác về tình hình tài chính của EPAY khi đưa ra doanh thu 5.351.533 triệu VND và EBITDA là 26.761 triệu VND. Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, GPS và UTC cho rằng hoạt động của EPAY bao gồm cả những hoạt động vi phạm pháp luật Việt Nam. Do đó, GPS và UTC đã đưa ra quyết định chưa chính xác trong việc mua bán cổ phần tại EPAY. Vì lẽ đó, GPS và UTC đã tiến hành khởi kiện ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore và đòi VMG bồi thường 755,8 tỷ VND.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, VMG đã nhận được phán quyết số 110/2021 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore cho vụ tranh chấp số 186/2019 (ARB186/19/PLN) giữa GPS và UTC và VMG. VMG đã trích lập dự phòng phải trả GPS và UTC đối với các nghĩa vụ có thể phát sinh do vi phạm các điều khoản bảo hành trong hợp đồng. Đồng thời vẫn tiếp tục kiến nghị liên quan đến các sai sót trong quá trình xem xét của Trung tâm trọng tài Quốc tế Singapore.

Ngày 18 tháng 04 năm 2022, VMG nhận được thông báo số 101/TB-TLVV ngày 08 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc thụ lý yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài. Theo đó GPS và UTC có trụ sở tại Hàn Quốc đã gửi đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội công nhận và cho thi hành Phán quyết trọng tài vụ kiện trọng tài SIAC số 186/2019 (ARB186/19/PLN) ngày 14/10/2021 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore đối với vụ tranh chấp giữa các Nguyên đơn: GPS và UTC; và Bị đơn: Công ty Cổ phần Truyền thông VMG.

Sau quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên họp xét đơn và kết quả đã quyết định không công nhận và cho thi hành Phán quyết trọng tài vụ kiện trọng tài SIAC số 186/2019 (ARB186/19/TLN) ngày 14/10/2019 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore. VMG đã nhận được quyết định vào ngày 12 tháng 07 năm 2022. Sau khi nhận được Quyết định sơ thẩm, GPS và UTC đã gửi đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã mở phiên họp xét kháng cáo quyết định xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam của GPS và UTC, tại Quyết định số 09/2023/QĐ-PT ngày 17/01/2023, Hội đồng xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tuyên bố không công nhận kháng cáo của GPS và UTC, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm số 07/2022/QĐST-TTTM. Theo đó, Công ty đã hoàn nhập lại toàn bộ khoản dự phòng phải trả đã trích lập theo phán quyết số 110/2021 ngày 21/10/2021 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore.

*(Xem thêm chi tiết tại thuyết minh số 19 - Dự phòng phải trả ngắn hạn)*

## b, Dự phòng phải trả đối với các nghĩa vụ thuế

Khoản dự phòng này trước đây được trích lập căn cứ vào:

- Kết luận tại bản án 55/2018/HS-ST ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ trong đó có nêu việc Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY) đã thực hiện nâng khống 49 tờ hóa đơn với tổng giá trị là 657.244.573.530 VND. Do đó, Công ty đã ước tính và trích lập dự phòng phải trả đối với các nghĩa vụ liên đới có thể phát sinh từ các kết luận này. Số tiền dự phòng được ước tính bằng số tiền truy thu, phạt thuế mà EPAY phải nộp theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam nhân với tỷ lệ sở hữu vốn của VMG tại EPAY trước thời điểm chuyển nhượng.
- Kết quả tư vấn của Công ty luật Venture North về rủi ro cao của VMG nếu GPS và UTC kiện VMG về vấn đề thuế.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Công ty đã nhận được yêu cầu bồi thường từ GPS và UTC, sau khi EPAY hoàn thành thanh tra thuế. Tại yêu cầu bồi thường này, GPS và UTC đã yêu cầu Công ty bồi thường số tiền: 100.981.847.216 VND. Theo đó, Công ty đã điều chỉnh giảm dự phòng phù hợp theo thư yêu cầu bồi thường. Hiện nay, hai bên vẫn đang tiếp tục trao đổi và chưa có quyết định chính thức về nội dung bồi thường này.

## 37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các sự kiện đã được công bố tại thuyết minh 19 và thuyết minh số 36, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	520.545.345.517	867.344.275.896	1.387.889.621.413
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>5.208.226.475</b>	<b>97.586.843.840</b>	<b>102.795.070.315</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	2.555.457.274
Tài sản bộ phận	46.263.414.985	133.631.786.239	179.895.201.224
Tài sản không phân bổ	-	-	572.039.652.196
<b>Tổng tài sản</b>	<b>46.263.414.985</b>	<b>133.631.786.239</b>	<b>751.934.853.420</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	-	14.885.604.077	14.885.604.077
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	186.298.381.563
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>14.885.604.077</b>	<b>201.183.985.640</b>

Do hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



### 39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	Cổ đông lớn
NTT DOCOMO Inc	Cổ đông lớn Từ ngày 24/06/2022 không còn là cổ đông
Yellow Star Investment 6 Pte. Ltd	Cổ đông lớn Từ ngày 07/03/2022 không còn là cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	Tổng Giám đốc của Công ty ông Trần Bình Dương là Chủ tịch Hội đồng quản trị đến ngày 10/09/2022, từ ngày 10/09/2022 là Thành viên HĐQT đồng thời là cổ đông lớn của Công ty này.
Ông Nguyễn Văn Tấn	Chủ tịch HĐQT do
Ông Trần Bình Dương	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đăng Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Domingo Alonso	Thành viên HĐQT do Yellow Star Investment 6 Pte. Ltd đề cử
Ông Torben Kjaer	Thành viên HĐQT do Yellow Star Investment 6 Pte. Ltd đề cử
Ông Phạm Minh Tuấn	Trưởng Ban kiểm
Bà Đỗ Kim Thúy	Thành viên Ban
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên Ban
Bà Bùi Thị Hồng	Thành viên Ban kiểm soát do VNPT đề cử (Miễn nhiệm ngày 19/09/2022)
Bà Hoàng Thị Nghĩa Ninh	Thành viên Ban kiểm soát do VNPT đề cử (Miễn nhiệm ngày 19/09/2022)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, dịch vụ</b>	<b>315.627.775.237</b>	<b>110.895.547.188</b>
- Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	425.084.145	496.089.846
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	315.202.691.092	110.399.457.342
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>4.312.752.468</b>	<b>2.904.761.898</b>
- Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus -Cổ tức nhận được	510.000.000	510.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia - lãi chậm trả	3.802.752.468	2.394.761.898
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>10.840.996.278</b>	<b>22.795.373.484</b>
- Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	-	30.240.053
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	10.840.996.278	22.765.133.431
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>-</b>	<b>28.587.805</b>
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	-	28.587.805

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc</b>	<b>2.594.795.994</b>	<b>2.466.244.026</b>
Ông Nguyễn Văn Tấn (*)	-	-
Ông Trần Bình Dương	2.369.795.994	2.241.244.026
Ông Nguyễn Đăng Thắng (*)	-	-
Ông Domingo Alonso	225.000.000	225.000.000
Ông Torben Kjaer (*)	-	-

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát</b>	-	-
Ông Phạm Minh Tuấn (*)	-	-
Bà Đỗ Kim Thúy (*)	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền (*)	-	-
Bà Bùi Thị Hồng (*)	-	-
Bà Hoàng Thị Nghĩa Ninh (*)	-	-

(\*) Ngoài ông Trần Bình Dương và ông Domingo Alonso, các thành viên khác trong HĐQT và BKS không phát sinh thù lao/thu nhập trong năm tại Công ty

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

#### 40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

**Trần Thị Kiều Trang**

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

**Dương Thị Thương**

Kế toán trưởng



**Trần Bình Dương**

Tổng Giám đốc

